THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị tại Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của thông tin, số liệu nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP(2).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	_____

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(*Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ*)

_____

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

b) Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án gắn với nguồn lực triển khai nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh.

c) Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, "lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư" để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể.

d) Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa dự án vào sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

đ) Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

e) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn và các quy hoạch không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch;

- Tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Chủ động hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển của địa phương và phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách của vùng và những đề án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá cho phát triển tỉnh, vùng và ngành (cả nước).

3. Triển khai thực hiện các dự án theo Quy hoạch tỉnh

a) Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan về đầu tư công.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng từ các dự án đã và đang thực hiện từ nguồn vốn đầu tư công nhằm phát huy hiệu quả công trình, dự án mang lại; lấy đầu tư công kích hoạt mọi nguồn lực của xã hội.

- Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng; hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội, khoa học và công

nghệ; hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhất là các đô thị động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả;

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, cấp nước, xử lý rác thải, nước thải, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và phát triển bền vững; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới của tỉnh.

b) Các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Đẩy mạnh thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư bao gồm:

* Phát triển 4 lĩnh vực tạo đột phá: Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, cải cách thủ tục thẩm định phê duyệt các dự án đầu tư; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện chuyển đổi số.

* Phát triển 5 ngành trọng điểm: Năng lượng tái tạo; du lịch; dịch vụ logistic; công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp hàng hóa, áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

* Phát triển 4 hành lang động lực phát triển kinh tế: Hành lang kinh tế trung tâm - từ hai bên quốc lộ 1 đến hai bên đường bộ cao tốc; hành lang kinh tế ven biển; hành lang Đông - Tây kết nối quốc tế với Lào, Thái Lan và tiểu vùng sông Mê Kông; hành lang kinh tế biên giới. Trong đó, hành lang kinh tế trung tâm và hành lang kinh tế ven biển đóng vai trò động lực phát triển chính.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại kế hoạch thực hiện quy hoạch

- Định hướng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực.

(Chi tiết Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục kèm theo).

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này được thực hiện theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023; quy hoạch ngành quốc gia và Kế hoạch thực hiện; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

4. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2025 và 2026 - 2030 theo đúng quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho phát triển của tỉnh.

5. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm là 8,2% trong thời kỳ 2021 - 2030, dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 434,056 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2021 - 2030
	TỔNG	**Tỷ đồng**	**139.713**	**294.343**	**434.056**
1	Nguồn vốn khu vực nhà nước[1]	Tỷ đồng	32.134	44.152	76.286
	Tỷ trọng	%	23	18	17,6
2	Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	Tỷ đồng	101.990	223.701	325.691

[1] Gồm ngân sách nhà nước từ trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2021 - 2030
	Tỷ trọng	%	73	76	75
3	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Tỷ đồng	5.589	26.490	32.079
	Tỷ trọng	%	4	6	7,5

Ghi chú: Số vốn của khu vực Nhà nước sẽ được quyết định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn và Kế hoạch ngân sách theo pháp luật về đầu tư công và pháp luật ngân sách nhà nước; số vốn khu vực ngoài nhà nước, FDI phụ thuộc vào khả năng thu hút đầu tư của địa phương. Về cơ cấu nguồn vốn: tăng dần tỷ trọng khu vực ngoài ngân sách, FDI và giảm dần tỷ trọng khu vực nhà nước.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, ưu tiên các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, tạo động lực phát triển.

b) Thực hiện các chính sách thu hút đầu tư dưới nhiều hình thức, huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, ưu tiên thu hút vốn đầu tư vào xây dựng hạ tầng, vào các dự án về năng lượng và các dự án động lực, công trình giao thông trọng điểm, phát triển văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa.

c) Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu tốt, có năng lực tài chính lớn, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư ở những quy mô khác nhau.

Huy động nguồn lực từ tài chính, đất đai để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất là tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả; đồng thời, khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không có nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước để đáp ứng nhu cầu đổi mới phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

b) Mở rộng mạng lưới đào tạo nghề và thay đổi cơ cấu đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt và thiết thực. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề, tìm kiếm việc làm. Tăng cường việc liên kết đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp với các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng tốt trong và ngoài nước.

3. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ thành lập mới những tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc lĩnh vực mà nhà nước hoặc tỉnh cần khuyến khích phát triển nhưng các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không quan tâm đầu tư, thành lập. Chuyển các tổ chức nghiên cứu cơ bản vào các cơ sở giáo dục đào tạo và chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng vào các doanh nghiệp.

b) Ban hành các chính sách tuyển dụng và đãi ngộ thỏa đáng về lương, điều kiện làm việc, chỗ ở nhằm thu hút cán bộ khoa học và công nghệ giỏi về tỉnh làm việc. Có chính sách tôn vinh nhân tài, chính sách khen thưởng thỏa đáng kết quả sáng tạo khoa học và công nghệ, các ứng dụng khoa học và công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội lớn. Lựa chọn một giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh định kỳ dành trao tặng cho các nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao vào thực tiễn.

c) Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học và công nghệ của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng như Thái Lan đề xuất các hướng, chủ đề nghiên cứu khoa học công nghệ chung, nhằm thúc đẩy mối liên kết các vùng trọng điểm phát triển trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như các địa phương của nước bạn.

4. Bảo đảm an sinh xã hội

a) Thực hiện tốt các chế độ, chính sách chăm lo người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền; bảo đảm an sinh xã hội, tiến bộ, công bằng xã hội, đặc biệt là đối với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, biên giới, hải đảo, người có thu nhập thấp, đối tượng yếu thế.

b) Thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em; bình đẳng giới; nâng cao chất lượng sống mọi mặt của nhân dân, bảo đảm hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của "hạnh phúc".

5. Về bảo vệ môi trường

a) Thực hiện phân vùng môi trường để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

b) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng các khu xử lý chất thải tập trung; đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.

c) Quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường: Quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ; kiểm soát chặt chẽ các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước dưới đất trong hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất; kiểm soát tác động từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường nước dưới đất.

d) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quy hoạch phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của các khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông, Khu Bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ. Phân khu phục hồi sinh thái, dịch vụ hành chính, vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên; Khu bảo vệ cảnh quan Rú Lịnh, rừng đặc dụng Cồn Cỏ; hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa; nâng cấp 02 Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa và Đakrông thành vườn quốc gia; quy hoạch chuyển tiếp Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ, Khu bảo vệ cảnh quan Rú Lịnh. Duy trì và phát triển mạng lưới quan trắc, giám sát môi trường đồng bộ, hiện đại, tích hợp với hệ thống quan trắc môi trường quốc gia. phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp.

đ) Thúc đẩy các mô hình tăng trưởng bền vững. Phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao. Chú trọng phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. Hoàn thành các công trình trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa các vùng, miền trong tỉnh và các tỉnh vùng duyên hải miền Trung và kết cấu hạ tầng đô thị. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương.

b) Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phân bổ vốn theo kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên cho các công trình hạ tầng trọng điểm, cấp thiết, có tính lan toả, động lực.

c) Huy động và khai thác mạnh mẽ tiềm năng các nguồn lực trong nước, ngoài nước để đầu tư phát triển. Tăng cường các biện pháp để quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; đồng thời, tích cực giải quyết các vướng mắc trong lĩnh vực thuế để tạo điều kiện giúp các cơ sở sản xuất kinh doanh đẩy mạnh hoạt động và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

d) Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế tư nhân cho phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế; chú trọng phát triển kinh tế tập thể; tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các công ty lâm nghiệp, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành các vùng có quỹ đất tập trung có quy mô lớn làm cơ sở cho việc thu hút, kêu gọi đầu tư.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển kinh tế xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở cập nhật, liên thẩm chặt chẽ với Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Trị.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn

đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án dự kiến đầu tư (nếu có), chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, hiểu, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng Quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng nhận thức thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Định kỳ báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
I	**DỰ ÁN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**			
1	**Giao thông vận tải**			
1.1	Đường cao tốc Bắc Nam phía Đông (*)	Thị xã Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, huyện Hải Lăng, huyện Triệu Phong	X	X
1.2	Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà Quốc lộ 1A	Thành phố Đông Hà, huyện Gio Linh	X	X
1.3	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A về cảng Cửa Việt (*)	Huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, thành phố Đông Hà	X	X
1.4	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 15D từ Cảng Mỹ thủy đến cửa khẩu La Lay	Huyện Hải Lăng, huyện Đakrông	X	X
2	**Năng lượng - Điện**			
2.1	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Quảng Trị và các đường dây đấu nối 500 - 220 kV	Huyện Hải Lăng	X	X
2.2	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa) và các đường dây đấu nối 500 - 220 kV	Huyện Hướng Hóa	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
2.3	Xây dựng mới trạm cắt 500 kV Quảng Trị 2 và các đường dây đấu nối 500 kV		X	X
3	**Thủy lợi**			
3.1	Cụm công trình Khe Mước - Bến than	Khe Mước: xã Hải Thái, huyện Gio Linh. Bến than: xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh; Trung Sơn, huyện Gio Linh	X	
3.2	Các công trình phòng chống sạt lỡ	Toàn tỉnh	X	X
3.3	Đầu tư xây mới các hồ thủy lợi	Huyện Vĩnh Linh, Huyện Gio Linh, Huyện Triệu Phong, Huyện Hải Lăng, Huyện Đakrông	X	X
4	**An ninh - Quốc phòng**			
4.1	Xây dựng bệnh viện 268	Huyện Cam Lộ	X	
4.2	Doanh trại, thao trường huấn luyện Tiểu đoàn Đặc công Bộ 198	Xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong	X	
4.3	Công trình chốt chiến dịch f968/QK4	Xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	X	
5	**Các dự án của bộ, ngành, cơ quan trung ương trong các ngành, lĩnh vực khác**		X	X
II	**DỰ ÁN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**			
1	**Ngành công nghiệp**			
1.1	Hoàn thiện Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá khu A	Xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	X	X
1.2	Xây dựng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá khu B	Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
1.3	Xây dựng Mở rộng khu công nghiệp Quán Ngang	Xã Gio Châu, Gio Quang huyện Gio Linh	X	X
1.4	Xây dựng Khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú	Xã Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Lăng, huyện Triệu Phong (KKT Đông Nam)	X	X
1.5	Khu công nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực thuộc KKT Đông Nam (theo giai đoạn 2)	Xã Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Lăng, huyện Triệu Phong	X	X
1.6	Khu công nghiệp Quảng Trị	Thị trấn Diên sanh, xã Hải Trường, Hải Lâm huyện Hải Lăng (KKT Đông Nam)	X	X
1.7	Khu công nghiệp hỗn hợp chức năng	Xã Hải Ba, Hải Quế, huyện Hải Lăng (KKT Đông Nam)	X	X
1.8	Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng	Xã Hải Ba, huyện Hải Lăng (KKT Đông Nam)	X	X
1.9	Khu công nghiệp sinh thái	Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị	X	X
1.10	Cụm công nghiệp quốc lộ 9D	Phường 4, thành phố Đông Hà	X	
1.11	Cụm công nghiệp phía Tây huyện Vĩnh Linh A	Xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh	X	X
1.12	Cụm công nghiệp phía Tây huyện Vĩnh Linh B	Xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh	X	X
1.13	Cụm công nghiệp vùng Đông Vĩnh Linh	Cửa Tùng huyện Vĩnh Linh	X	
1.14	Cụm công nghiệp Gio Linh	Thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh	X	
1.15	Cụm Công nghiệp Krông Klang (phần mở rộng)	Krông Klang huyện Đakrông	X	
1.16	Cụm công nghiệp Cam Hiếu 2	Xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	X	X
1.17	Cụm công nghiệp Thượng Lâm	Xã Cam Thành, huyện Cam Lộ		X
1.18	Cụm công nghiệp Cam Thành (phần mở rộng) (khu vực Tân Trang 6,72ha)	Xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	X	
1.19	Cụm công nghiệp Cam Tuyền (phần mở rộng)	Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ		X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
1.20	Cụm công nghiệp Cam Tuyền 2	Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ		X
1.21	Cụm công nghiệp Tây Triệu Phong	Xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong	X	X
1.22	Cụm công nghiệp Hải Chánh (phần mở rộng)	Xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng	X	X
1.23	Nhà máy gạch Minh Hưng	Huyện Cam Lộ, huyện Hải Lăng	X	X
1.24	Nhà máy sản xuất gạch tuynel công nghệ cao	Huyện Hải Lăng	X	
1.25	Khu liên hợp gang thép Quảng Trị	KKT Đông Nam Quảng Trị	X	X
1.26	Nhà máy sản xuất inox và thép hợp kim	Xã Hải Quế, huyện Hải Lăng	X	
1.27	Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời	Xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong	X	
2	**Ngành nông lâm thủy sản**			
2.1	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), trong đó có cây dược liệu tỉnh Quảng Trị gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Toàn tỉnh	X	
2.2	Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025	Toàn tỉnh	X	
2.3	Đề án Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi sản xuất vùng hàng hóa tập trung tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030	Toàn tỉnh	X	X
2.4	Đề án Phát triển chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt chất lượng cao tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012 - 2025, định hướng đến năm 2030	Toàn tỉnh	X	X
2.5	Đề án phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh; xử lý chất thải chăn nuôi	Toàn tỉnh	X	X
2.6	Phát triển đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ, khuyến nông và tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi	Toàn tỉnh	X	X
2.7	Các trang trại, dự án Khu chăn nuôi lợn công nghệ cao tại huyện	Toàn tỉnh	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
2.8	Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung, phát triển trồng rừng thâm canh gỗ lớn và phòng chống cháy rừng	Huyện Hướng Hóa, huyện Vĩnh Linh, huyện Triệu Phong, huyện Hải Lăng và huyện ĐakRông	X	X
2.9	Dự án Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên	Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa	X	X
2.10	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR)	Toàn tỉnh	X	
2.11	Dự án phục hồi rừng phòng hộ đô thị ven biển tỉnh Quảng Trị	Huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Triệu Phong	X	X
2.12	Chương trình điều tra, kiểm kê, đánh giá, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	Toàn tỉnh	X	
2.13	Chương trình bảo vệ, phòng chống cháy rừng và sâu bệnh hại rừng	Toàn tỉnh	X	X
2.14	Các dự án phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản	Toàn tỉnh	X	X
2.15	Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá	Huyện đảo Cồn Cỏ; huyện Triệu Phong; huyện Vĩnh Linh		
2.16	Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Bắc Cửa Việt	Huyện Gio Linh	X	X
2.17	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động sản xuất thủy sản của các huyện	Huyện Triệu Phong, huyện Gio Linh, huyện Vĩnh Linh và huyện Hải Lăng	X	
2.18	Dự án phục hồi, tái tạo hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản	Toàn tỉnh	X	
2.19	Hạ tầng chế biến thủy sản tập trung	Huyện Gio Linh, huyện Triệu Phong	X	X
2.20	Khu nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao	Huyện Vĩnh Linh; huyện Hải Lăng	X	
2.21	Nuôi trồng, chế biến thủy sản công nghệ cao	Huyện Vĩnh Linh	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
2.22	Nuôi tôm và cá chẽm công nghệ cao kết hợp nhà máy chế biến tôm, cá xuất khẩu	Huyện Vĩnh Linh	X	X
3	**Ngành thương mại dịch vụ**			
3.1	Đầu tư các trung tâm thương mại	Thành phố Đông Hà, huyện Hướng Hóa, huyện Gio Linh, thị xã Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh	X	X
3.2	Đầu tư các siêu thị tổng hợp	Huyện Vĩnh Linh; thành phố Đông Hà	X	X
3.3	Trạm dừng nghỉ và cây xăng dầu đường tránh cầu Hiền Lương (*)	Xã Trung Sơn, huyện Gio Linh	X	X
3.4	Cây xăng dầu và trạm dừng nghỉ tại Khu dịch vụ - Du lịch Trường Sơn (*)	Xã Vĩnh Trường, huyện Gio Linh		X
3.5	Đầu tư các kho xăng dầu	Huyện Triệu Phong; huyện Gio Linh	X	X
3.6	Đầu tư các Trung tâm logistics/cảng cạn	Huyện Hướng Hóa; huyện Đakrông; huyện Cam Lộ; huyện Hải Lăng; huyện Triệu Phong; huyện Gio Linh; huyện Vĩnh Linh; thành phố Đông Hà.	X	X
3.7	Đầu tư xây dựng các trung tâm logistics	Huyện Cam Lộ; huyện Triệu Phong; huyện Gio Linh; thành phố Đông Hà; huyện Vĩnh Linh.	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
3.8	Đầu tư xây dựng các kho bãi hàng hóa, dịch vụ	Huyện Cam Lộ; huyện Gio Linh Triệu Phong; thị xã Quảng Trị; thành phố Đông Hà; huyện Vĩnh Linh; huyện Đakrông; huyện Hướng Hóa; huyện Hải Lăng	X	X
3.9	Kho bãi gồm bãi chờ nhập, bãi chờ xuất, bãi kiểm hóa, kiểm dịch, kho ngoại quan, hạ tải... (theo quy hoạch) tại khu vực Cửa khẩu Quốc tế La Lay	Huyện Đakrông	X	X
3.10	Trạm kiểm soát và kho tại thị trấn Lao Bảo	Huyện Hướng Hóa	X	X
3.11	Đầu tư các khu phi thuế quan	Huyện Hải Lăng; huyện Hướng Hóa	X	X
3.12	Trung tâm dịch vụ biên mậu Cửa khẩu Quốc tế	Hướng Hóa; Đakrông	X	X
3.13	Kho bãi tại 6 cửa khẩu, lối mở (tối thiểu 5ha/CK,LM)	Cửa khẩu, lối mở	X	X
3.14	Dự án đầu tư hoàn thiện hai bãi chờ xuất tại các cửa khẩu	Huyện Hướng Hóa, Đakrông	X	X
4	**Đô thị - Dịch vụ - Du lịch**			
4.1	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Huyện Gio Linh	X	
4.2	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	Huyện Hướng Hóa	X	
4.3	Khu đô thị Tân Vĩnh	Thành phố Đông Hà	X	
4.4	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Thành phố Đông Hà	X	
4.5	Khu đô thi Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Thành phố Đông Hà	X	
4.6	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị" sử dụng vốn vay AFD	Thành phố Đông Hà	X	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
4.7	Dự án đầu tư cơ sở vật chất Khu du lịch Cửa Việt - Cồn Cỏ - Cửa Tùng	Huyện đảo Cồn Cỏ, huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Triệu Phong	X	X
4.8	Khu Công viên Cọ Dầu	Thành phố Đông Hà	X	X
4.9	Khu dân cư mới Phường 1	Thành phố Đông Hà	X	X
4.10	Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	Thành phố Đông Hà	X	X
4.11	Khu đô thị Thuận Châu	Thành phố Đông Hà	X	X
4.12	Khu dân cư Nam sông Hiếu	Phường 4, Thành phố Đông Hà	X	X
4.13	Khu phức hợp trên sông Hiếu	Thành phố Đông Hà	X	X
4.14	Khu nhà ở đô thị kết hợp nhà ở xã hội, Khu công nghiệp Nam Đông Hà	Thành phố Đông Hà	X	X
4.15	Khu nhà ở đô thị phía Bắc đường Lê Thế Tiết (Khu đô thị mới tại Phường 2, thành phố Đông Hà)	Phường 2, thành phố Đông Hà	X	X
4.16	Khu đô thị Bắc sông Hiếu	TP Đông Hà	X	X
4.17	Khu đô thị Nam sông Hiếu (phường 3)	Thành phố Đông Hà	X	X
4.18	Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà	Thành phố Đông Hà	X	X
4.19	Khu dân cư đường Cồn Cỏ (giai đoạn 3)	Thành phố Đông Hà	X	X
4.20	Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ	Thành phố Đông Hà	X	X
4.21	Khu đô thị mới phường Đông Lương	Thành phố Đông Hà	X	X
4.22	Khu đô thị Ven sông Vĩnh Phước	Thành phố Đông Hà và huyện Triệu Phong	X	X
4.23	Công viên ven biển Trung tâm khu Đông Nam Quảng Trị	Xã Triệu Lăng, Triệu Phong	X	X
4.24	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng và dân cư hồ Ái Tử	Xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
4.25	Khu đô thị và quần thể sinh thái, nghỉ dưỡng, sân golf	Xã Triệu An, Triệu Vân, huyện Triệu Phong	X	X
4.26	Khu du lịch dịch vụ và dân cư Triệu Vân	Xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong	X	X
4.27	Khu đô thị ven sông Thạch Hãn (phía Đông thị trấn Ái Tử)	Xã Triệu Thượng, Triệu Phong	X	X
4.28	Khu đô thị Nam sông Vĩnh Phước	Xã Triệu Ái, Triệu Phong	X	X
4.29	Khu đô thị Quảng Hà	Xã Triệu Ái, Triệu Phong	X	X
4.30	Xây dựng Khu du lịch sinh thái Đakrông	Xã Đakrông, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị	X	X
4.31	Trung tâm dịch vụ biên mậu cửa khẩu quốc tế La Lay	Huyện Đakrông	X	X
4.32	Khu du lịch sinh thái và dân cư thác Ba Vòi	Xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông	X	X
4.33	KĐT mới phía Đông - Nam thị trấn Krông Klang	Huyện Đakrông	X	X
4.34	Khu đô thị du lịch ven sông Đakrông tại xã Đakrông (Đối diện khu dân cư thôn Tà Lêng)	Huyện Đakrông	X	X
4.35	Khu đô thị du lịch ven sông Đakrông tại xã Tà Long (Khu vực ngã ba sông Đakrông và suối Tà Long)	Huyện Đakrông	X	X
4.36	Khu đô thị du lịch điểm ngắm cảnh trên cao tại xã A Bung	Huyện Đakrông	X	X
4.37	Khu đô thị mở rộng Khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay tại xã A Ngo	Huyện Đakrông	X	X
4.38	Khu dân cư và du lịch sinh thái ven hồ Trúc Kinh	Huyện Cam Lộ		
4.39	Khu tổ hợp du lịch - dịch vụ - đô thị và thể dục thể thao	Thị trấn Cam Lộ, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	X	X
4.40	Khu đô thị mới Nam trấn Cam Lộ 1	Huyện Cam Lộ	X	X
4.41	Khu đô thị mới Nam trấn Cam Lộ 2	Huyện Cam Lộ	X	X
4.42	Khu du lịch sinh thái hai bên suối Thượng Lâm	Huyện Cam Lộ	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
4.43	Khu du lịch sinh thái khoáng nóng và nhà máy sản xuất nước đóng chai Tân Lâm	Huyện Cam Lộ	X	X
4.44	Khu thương mại dịch vụ và nghỉ dưỡng cao cấp nữ hoàng bãi dài Cửa Tùng 2	Khu du lịch Cửa Tùng, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh	X	
4.45	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng và dân cư biển Mũi Trèo	Xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh	X	X
4.46	Khu du lịch sinh thái hồ La Ngà, hồ Bảo Đài	Huyện Vĩnh Linh	X	X
4.47	Khu đô thị du lịch ven biển (Phía Bắc thị trấn Cửa Tùng)	Huyện Vĩnh Linh	X	X
4.48	Khu đô thị mới khóm 5	Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	X	X
4.49	Khu dân cư Tây Nam quốc lộ 1	Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	X	X
4.50	Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh	Huyện Vĩnh Linh	X	X
4.51	Làng Văn hóa du lịch cộng đồng - sinh thái Tùng Luật	Huyện Vĩnh Linh	X	X
4.52	Trung tâm dịch vụ biên mậu Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo	Huyện Hướng Hóa	X	X
4.53	Khu Du lịch sinh thái và dân cư Brai - Tà Puồng	Xã Hướng Việt, Hướng Lập, huyện Hướng Hóa	X	X
4.54	Khu đô thị du lịch điểm ngắm cảnh trên cao hồ Rào Quán (phía Tây Nam hồ Rào Quán)	Huyện Hướng Hóa	X	X
4.55	Khu dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng hồ Tân Độ	Huyện Hướng Hóa	X	X
4.56	Khu du lịch sinh thái và dân cư hồ Đập Trấm	Xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	X	X
4.57	Khu đô thị ven sông Thạch Hãn	Thị Xã Quảng Trị	X	X
4.58	Khu đô thị Bắc Thành Cổ	Thị Xã Quảng Trị	X	X
4.59	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	Thị Xã Quảng Trị	X	X
4.60	Khu đô thị Võ Thị Sáu giai đoạn 3	Thị Xã Quảng Trị	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
4.61	Xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại Trung tâm hành hương Đức Mẹ La Vang	Huyện Hải Lăng	X	X
4.62	Khu dịch vụ - du lịch và dân cư biển Hải Khê	Xã Hải Khê, huyện Hải Lăng	X	X
4.63	Khu dân cư dịch vụ sinh thái nông nghiệp	Huyện Hải Lăng	X	X
4.64	Khu du lịch thác Chòong	Huyện Hải Lăng	X	X
4.65	Các dự án phát triển đô thị	Huyện Gio Linh	X	X
4.66	Khu dịch vụ thể thao	Xã Trung Giang, Gio Mỹ, huyện Gio Linh	X	X
4.67	Khu du lịch sinh thái và dân cư ven hồ Hà Thượng	Xã Gio Sơn, huyện Gio Linh	X	X
4.68	Khu du lịch sinh thái và dân cư ven hồ Kinh Môn	Huyện Gio Linh	X	X
4.69	Khu dịch vụ - Du lịch và dân cư Trường Sơn	Xã Linh Trường, huyện Gio Linh	X	X
4.70	Tổ hợp khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị biển Gio Linh	Xã Trung Giang, huyện Gio Linh	X	X
4.71	Khu du lịch sinh thái kết hợp nông nghiệp hữu cơ công nghệ cao DFARM Quảng Trị	Xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh	X	X
4.72	Khu dịch vụ - Du lịch Gio Hải	Xã Gio Hải, huyện Gio Linh	X	X
5	**Giao thông vận tải**			
5.1	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây	Huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Triệu phong, thành phố Đông Hà	X	X
5.2	Nâng cấp hệ thống giao thông trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	Huyện Gio Linh, thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, huyện Triệu Phong, huyện Cam Lộ, huyện Hải Lăng, huyện Vĩnh Linh	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
5.3	Giải phóng mặt bằng để xây dựng các dự án: Cảng hàng không Quảng Trị và Cảng Cửa Việt	Huyện Gio Linh	X	
5.4	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị	Huyện Vĩnh Linh	X	
5.5	Dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Trị"	Huyện Hướng Hóa, huyện Đakrông	X	
5.6	Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo (CT.19)	Huyện Triệu Phong, huyện Đakrông, Cam Lộ, huyện Hướng Hóa	X	X
5.7	Tuyến động lực phía tây quốc lộ 1: Đoạn từ ĐT576 đến quốc lộ 9 - ĐT 579	Huyện Gio Linh, thành phố Đông Hà, huyện Triệu Phong	X	X
5.8	Tuyến kết nối quốc lộ 1 với sân bay Quảng Trị và đường ven biển	Huyện Gio Linh	X	X
5.9	Cảng hàng Không Quảng Trị (GĐ1)	Huyện Gio Linh	X	
5.10	Cảng Mỹ Thủy: GĐ 1+2	Huyện Hải Lăng	X	X
6	**Năng lượng - Điện**			
6.1	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Đông Hà	Thành phố Đông Hà	X	X
6.2	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Lao Bảo	Huyện Hướng Hóa	X	X
6.3	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Đông Nam	Huyện Hải Lăng	X	X
6.4	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Phong và các đường dây đấu nối	Huyện Triệu Phong	X	X
6.5	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Mỹ Thủy và các đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng	X	X
6.6	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV QTIP và các đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng	X	X
6.7	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Bắc Hồ Xá và các đường dây đấu nối	Huyện Vĩnh Linh	X	X
6.8	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV TX Quảng Trị và đường dây đấu nối	Thị xã Quảng Trị	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
6.9	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Trạch 1 và đường dây đấu nối	Huyện Triệu Phong	X	X
6.10	Nâng tiết diện các mạch đường dây 110 kV Lao Bảo - Lao Bảo 220 kV - Đông Hà, Lao Bảo - Khe Sanh, Hướng Linh - Lao Bảo và Khe Sanh - Lao Bảo 220 kV	Huyện Hướng Hóa, huyện Đakrông, huyện Cam Lộ, thành phố Đông Hà	X	X
6.11	Nâng tiết diện đường dây 110 kV Đông Hà 220 - Đồng Hới 220 và các nhánh rẽ (Đông Hà 220 - Đông Hà, Đông Hà - Quán Ngang, Quán Ngang - Vĩnh Linh - Áng Sơn, Đông Hà - Lệ Thủy)	Huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, thành phố Đông Hà	X	X
6.12	Nâng tiết diện đường dây 110 kV Đông Hà 220 kV - Phong Điền 220 kV	Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, huyện Triệu Phong, huyện Hải Lăng	X	X
6.13	Nâng công suất trạm biến áp 110 kV Diên Sanh	Huyện Hải Lăng	X	
6.14	Nâng công suất trạm biến áp 110 kV Vĩnh Linh	Huyện Vĩnh Linh	X	
6.15	Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng (1500 MW)	Huyện Hải Lăng	X	X
6.16	Nhà máy tuabin khí hỗn hợp Quảng Trị (340 MW)	Huyện Hải Lăng	X	X
6.17	Trung tâm công nghiệp khí	Huyện Hải Lăng	X	X
6.18	Trung tâm Hydro xanh	Huyện Hải Lăng	X	X
6.19	Các dự án điện gió đã có trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh	Toàn tỉnh	X	X
7	**Thủy lợi và phòng chống thiên tai**			
7.1	Nâng cấp, tu bổ, sửa chữa đê điều	Toàn tỉnh	X	X
8	**Thông tin và truyền thông**			
8.1	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Thành phố Đông Hà	X	
8.2	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị và Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Thành phố Đông Hà	X	
8.3	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện, xã	Toàn tỉnh	X	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
8.4	Đầu tư hạ tầng Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị (Nâng cấp hạ tầng và triển khai các nền tảng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số như: Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; nâng cấp nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh; xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh...)	Toàn tỉnh		X
8.5	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh - Giai đoạn 1	Toàn tỉnh	X	
8.6	Phát triển hạ tầng mạng 5G - Giai đoạn 1	Toàn tỉnh	X	
8.7	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông, chỉnh trang mạng cáp thông tin đô thị - Giai đoạn 1	Toàn tỉnh	X	
8.8	Phát triển hạ tầng IoT các lĩnh vực trọng điểm như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh, công nghiệp thông minh (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	X	
8.9	Phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng băng rộng cố định đến tận hộ gia đình, hạ tầng băng rộng di động đến các thôn, bản và nền tảng thanh toán điện tử (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	X	
8.10	Xây dựng và nâng cập tuyến truyền dẫn liên tỉnh - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh		X
8.11	Phát triển hạ tầng mạng 5G - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh		X
8.12	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông, chỉnh trang mạng cáp thông tin đô thị- Giai đoạn 2	Toàn tỉnh		X
8.13	Phát triển hạ tầng IoT Các lĩnh vực trọng điểm như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh, công nghiệp thông minh (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh		X
8.14	Phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng băng rộng cố định đến tận hộ gia đình, hạ tầng băng rộng di động đến các thôn, bản và nền tảng thanh toán điện tử (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh		X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
9	**Cấp nước sinh hoạt**			
9.1	Xây dựng Nhà máy nước Đập Trấm	Xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	X	X
9.2	Nâng công suất nhà máy nước Bến Quan	Thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh	X	X
9.3	Xây dựng nhà máy nước Quật Xá	Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	X	X
9.4	Xây dựng Nhà máy nước Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Huyện Hải Lăng, thị xã Quảng Trị	X	X
9.5	Cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Tân Lương	Thành phố Đông Hà	X	X
9.6	Xây dựng nhà máy nước Tà Rụt	Huyện Đakrông	X	X
10	**Xử lý chất thải rắn và bảo vệ môi trường**			
10.1	Đầu tư các khu xử lý, lò đốt chất thải rắn nguy hại và hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại	Huyện Hải Lăng, thành phố Đông Hà, huyện đảo Cồn Cỏ	X	X
10.2	Dự án đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và các huyện Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, Hướng Hóa; Hải Lăng, Cồn Cỏ	X	X
10.3	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng các trạm quan trắc môi trường tỉnh Quảng Trị	Thành phố Đông Hà, huyện Hải Lăng, huyện Gio Linh, huyện đảo Cồn Cỏ, huyện Vĩnh Linh, thị xã Quảng Trị, huyện Triệu Phong, huyện Hướng Hóa	X	X
10.4	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Đông Hà	Phường 3, thành phố Đông Hà	X	X
10.5	Khu xử lý chất thải rắn tái sử dụng năng lượng	xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong	X	X
10.6	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn xã Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Hướng Hóa	X	X
10.7	Khu cây xanh kết nối công viên ven biển (Chạy dọc ven biển)	Huyện Gio Linh	X	X

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
11	**Giáo dục và đào tạo**			
11.1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	X	X
11.2	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở do huyện quản lý	Toàn tỉnh	X	X
11.3	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa	Toàn tỉnh	X	
11.4	Đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (các trường trung cấp, cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh)	Toàn tỉnh	X	
11.5	Dự án xây dựng Hệ thống Trường Phổ thông Liên cấp Hội nhập Quốc tế.	Khu kinh tế Đông Nam, thành phố Đông Hà, Khu kinh tế thương mại Lao Bảo	X	X
12	**Y tế**			
12.1	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	X	X
12.2	Dự án đầu tư bệnh viện y học cổ truyền tỉnh	Thành phố Đông Hà		X
12.3	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tuyến tỉnh và tuyến cơ sở	Toàn tỉnh		X
12.4	Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa tư nhân	Thành phố Đông Hà	X	
12.5	Đầu tư bệnh viện chuyên khoa mắt	Thành phố Đông Hà	X	X
13	**Văn hóa - Thể thao**			
13.1	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng của tỉnh	Toàn tỉnh	X	X
13.2	Xây mới Nhà văn hóa lao động tỉnh	Thành phố Đông Hà		X
13.3	Xây mới Nhà triển lãm văn học nghệ thuật tỉnh	Thành phố Đông Hà		X
13.4	Xây dựng mới bảo tàng chứng tích chiến tranh mang tầm quốc gia tại Quảng Trị			X
13.5	Xây dựng khu nhà ở cho vận động viên năng khiếu tỉnh	Thành phố Đông Hà	X	
13.6	Đầu tư nâng cấp nhà thi đấu và khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Đông Hà	X	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	Phân kỳ đầu tư	
			2024 - 2025	2026 - 2030
13.7	Trung tâm thể thao đa năng	Thành phố Đông Hà	X	
14	**Khoa học và công nghệ**			
14.1	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học	Toàn tỉnh	X	
14.2	Các dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ	Toàn tỉnh		X
15	**An ninh - Quốc phòng**			
15.1	Hải đội dân quân thường trực/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (giai đoạn 1)	Xã Triệu An, huyện Triệu Phong	X	
15.2	Mốc A11	Huyện đảo Cồn Cỏ	X	

Ghi chú:

- (*) Theo kế hoạch đầu tư của Bộ Giao thông vận tải.

- Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình;

- Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư bảo đảm phù hợp các quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.